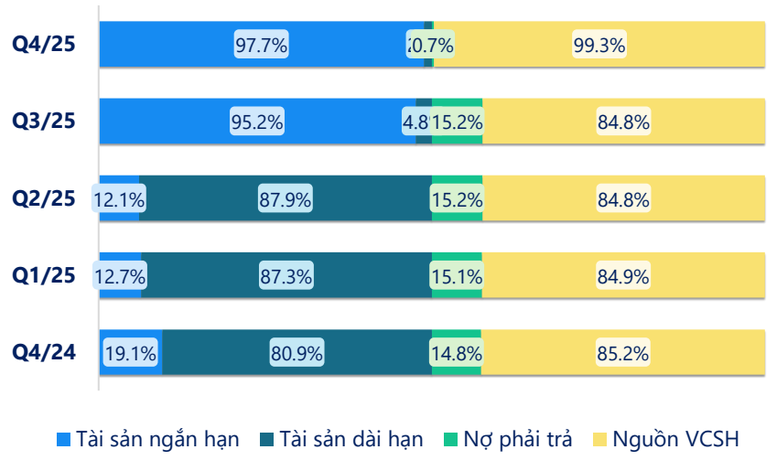
FireAnt

CTCP CNC Capital Việt Nam (UPCOM: KSQ)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	109,440
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
P/E	10.1
EPS	197

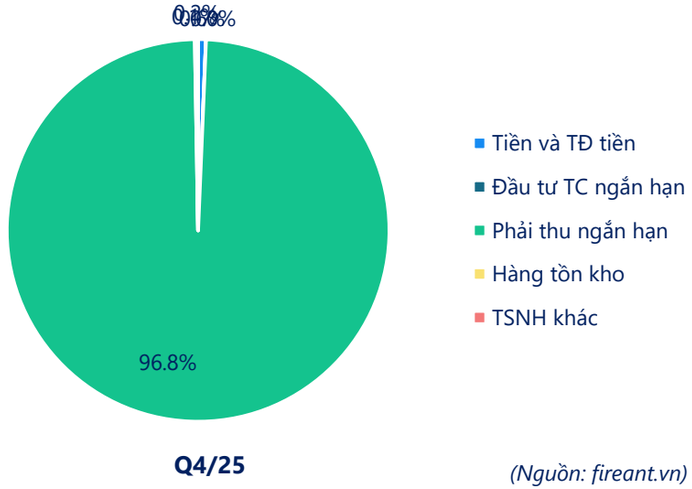
	YTD	1T	3T	6T
KSQ	-35.5%	5.3%	5.3%	17.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



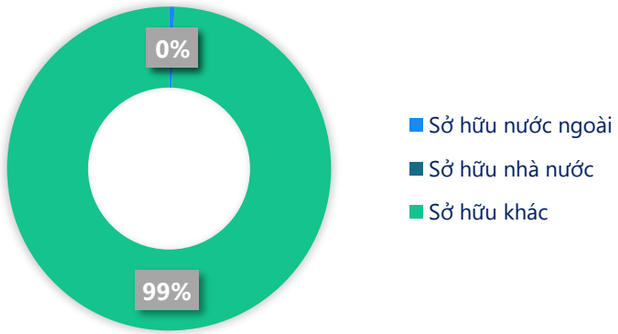
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



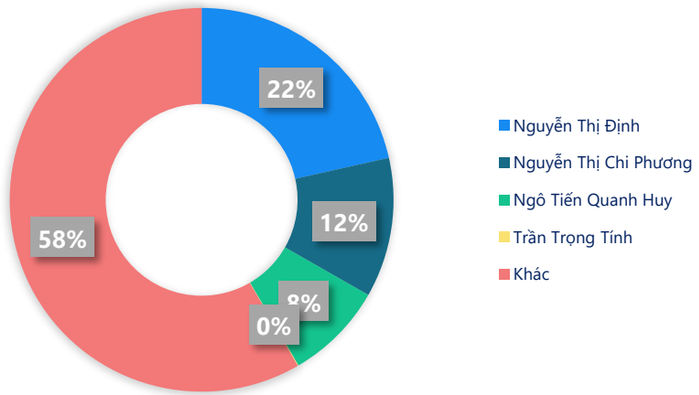
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



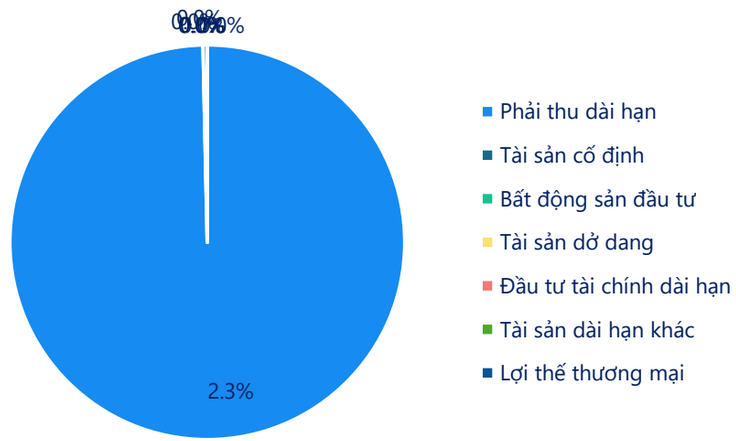
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

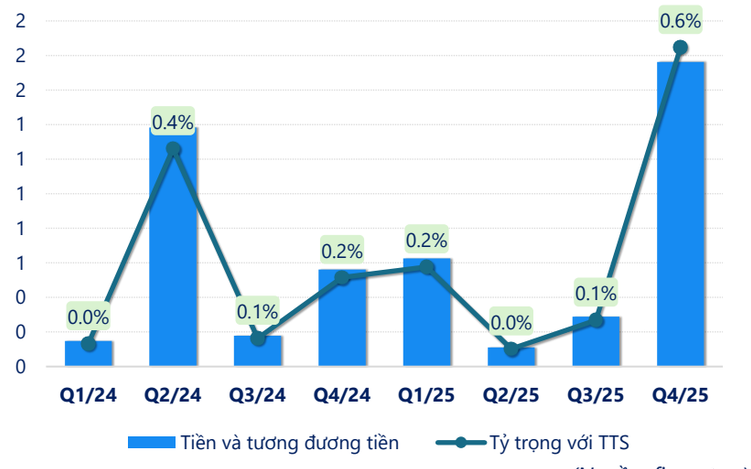


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

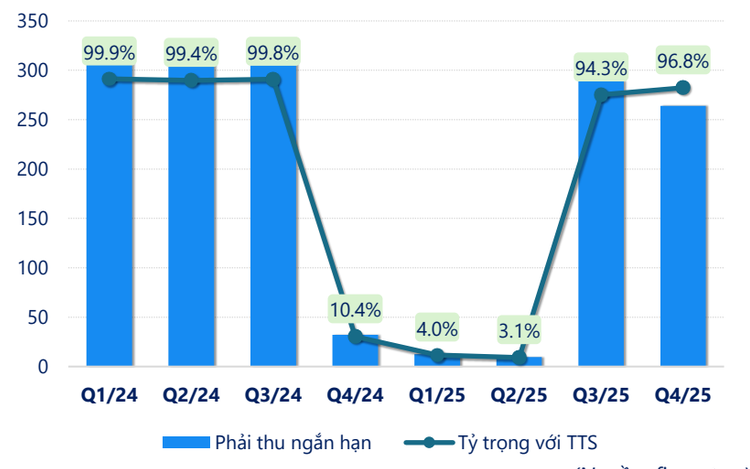
CTCP CNC Capital Việt Nam (UPCOM: KSQ)

Tiền và tương đương tiền



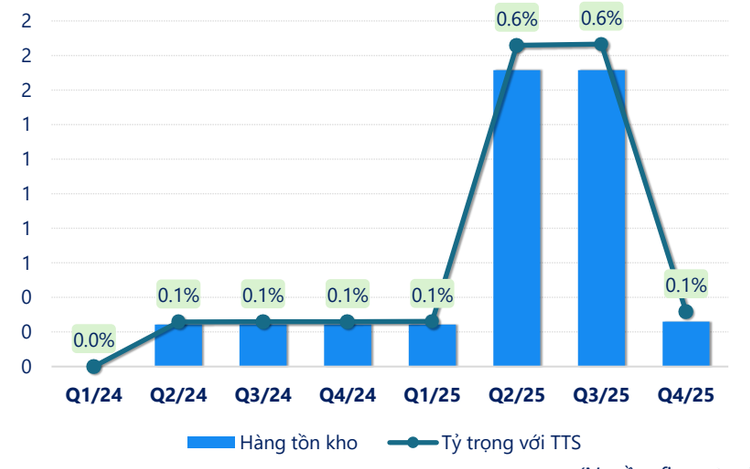
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



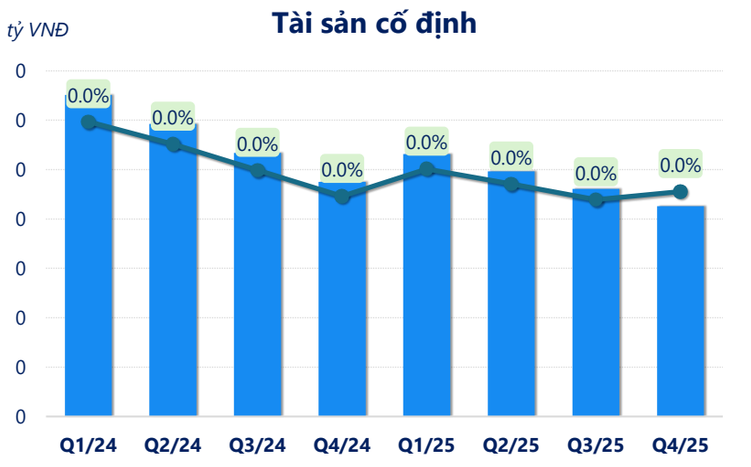
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



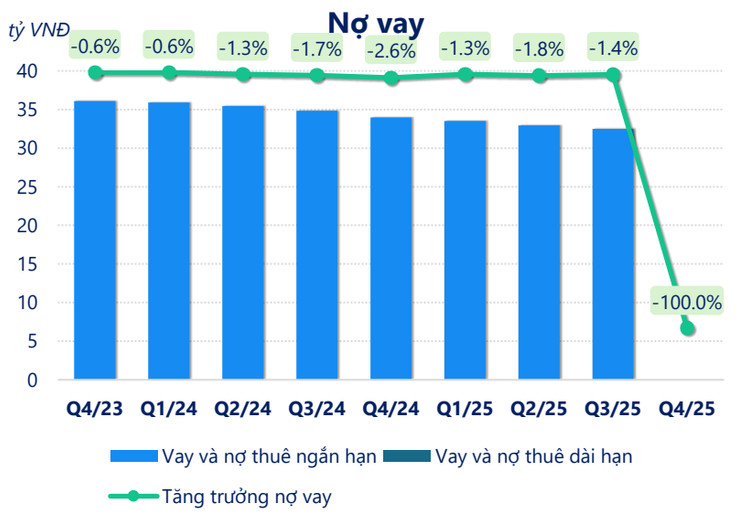
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



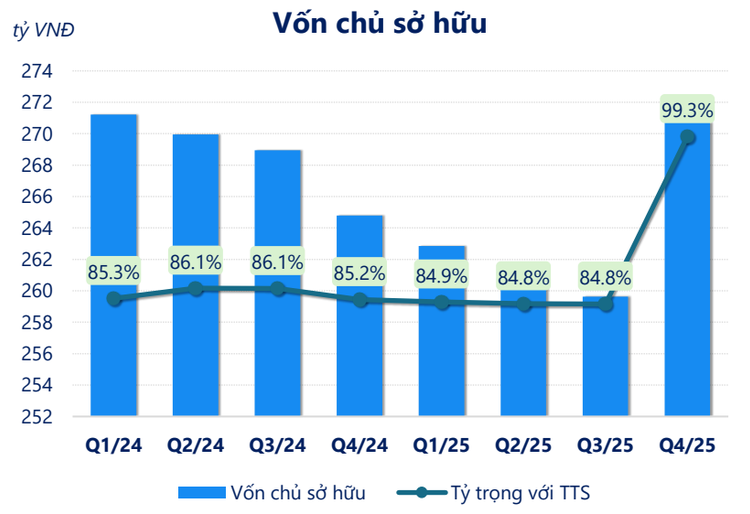
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

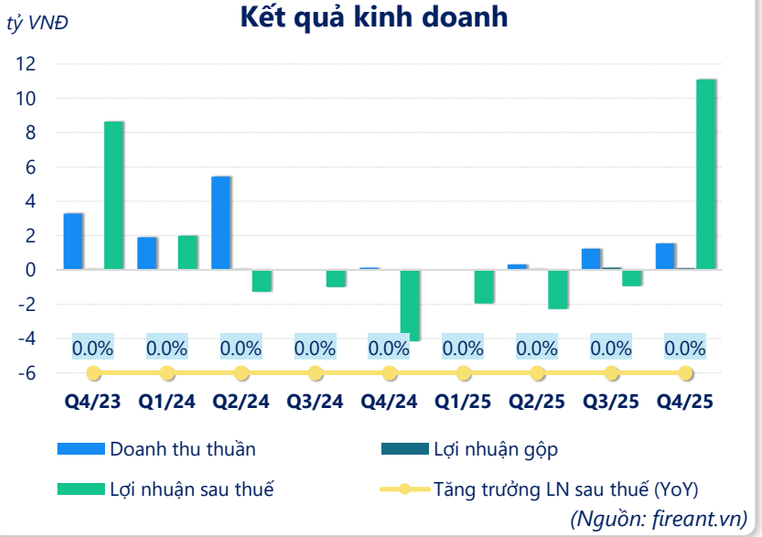
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

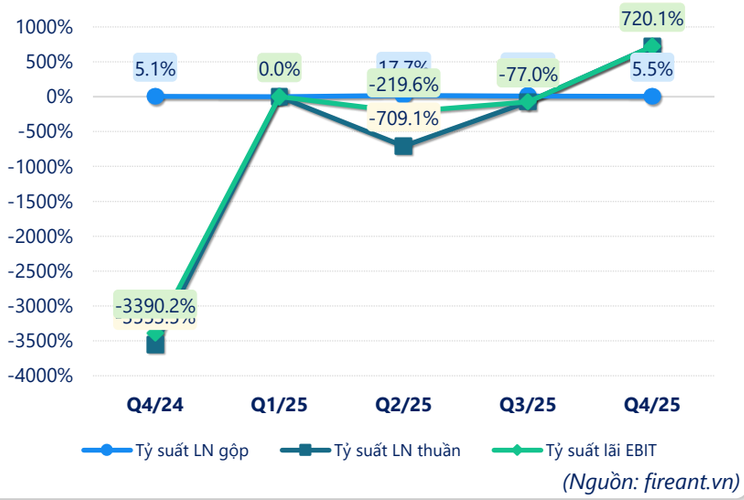
CTCP CNC Capital Việt Nam (UPCOM: KSQ)

Kết quả kinh doanh



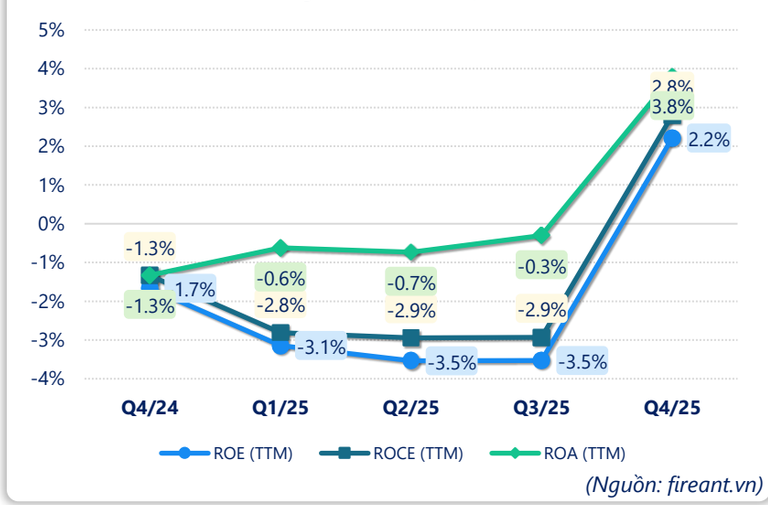
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



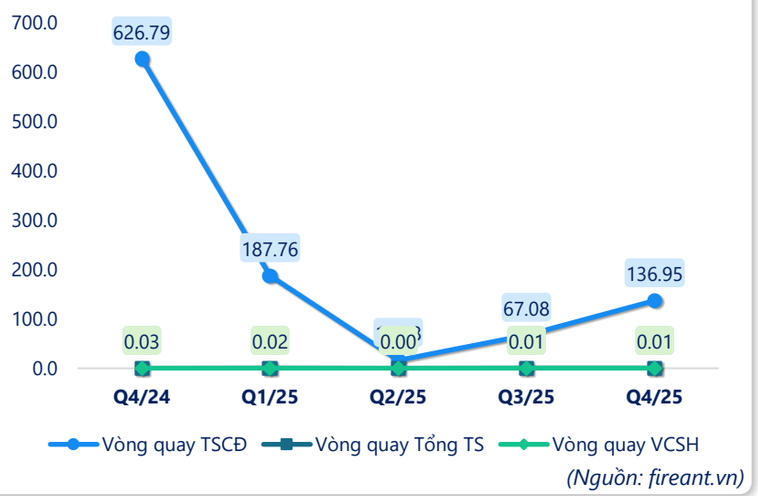
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



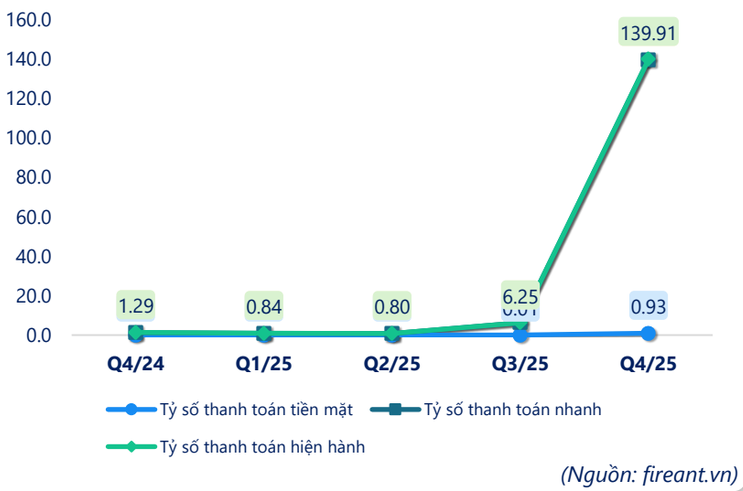
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



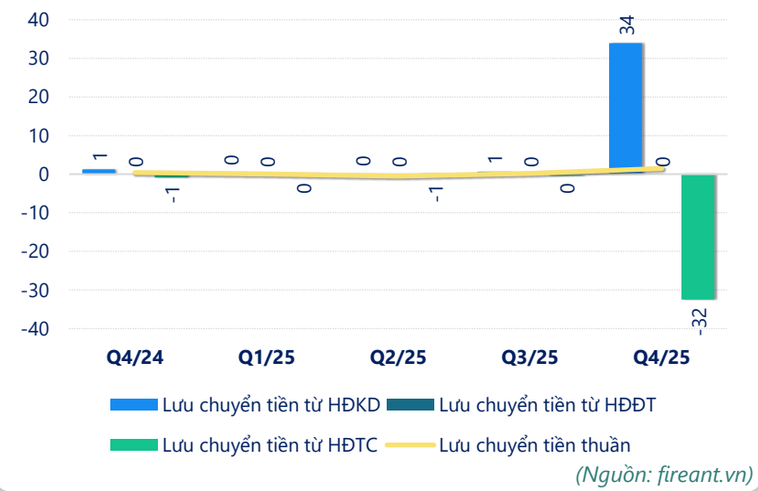
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP CNC Capital Việt Nam (UPCOM: KSQ)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**273**	**311**	**-12.3%**
Tài sản ngắn hạn	266	36.8	624%
Tiền và tương đương tiền	1.76	0.56	214%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	264	9.65	2634%
Hàng tồn kho	0.26	0.24	6.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.47	26.4	-98.2%
Tài sản dài hạn	**6.24**	**274**	**-97.7%**
Phải thu dài hạn	6.22	22.6	-72.5%
Tài sản cố định	0.02	0.03	-24.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	252	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.90	46.2	-95.9%
Nợ ngắn hạn	**1.90**	**46.2**	**-95.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	34.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.19	1.59	-24.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**271**	**265**	**2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**271**	**265**	**2.2%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	0.12	0	0.32	1.23	1.54
Giá vốn hàng bán	0.12	0	0.26	1.10	1.46
Lợi nhuận gộp	0.01	0	0.06	0.12	0.08
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	3.90	0.78	0.79	0.79	-11.3
Chi phí lãi vay	0	0	1.57	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.46	1.17	1.54	0.27	0.29
LN thuần từ HĐKD	-4.36	-1.95	-2.27	-0.94	11.1
Lợi nhuận khác	0.20	0	0.00	0	-0.02
LN trước thuế	-4.16	-1.95	-2.27	-0.94	11.1
Lợi nhuận sau thuế	-4.16	-1.95	-2.27	-0.94	11.1
LNST của CĐ cty mẹ	-4.16	-1.95	-2.27	-0.94	11.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.28	0.49	0.08	0.63	33.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.90	-0.43	-0.60	-0.45	-32.5
Tiền đầu kỳ	0.18	0.56	0.63	0.11	0.29
Lưu chuyển tiền thuần	**0.38**	**0.06**	**-0.52**	**0.18**	**1.47**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.56	0.63	0.11	0.29	1.76

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic